

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

Số: 3145 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghĩa Hành, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng
Công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 1),
Địa điểm: Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất

Căn cứ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND, ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND, ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND, ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi một số nội dung của Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Công văn số 2522/UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc xác nhận đơn giá và năng suất cây cối, hoa màu không có tên trong quy định để là cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Thông báo số 211/TB-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành tại Công văn số 122/BQL ngày 26/11/2021 v/v đề nghị thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành và đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Báo cáo thẩm định số 83/BCTĐ-TNMT ngày 23/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 1), cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Nghĩa Hành.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành.

3. Đơn vị thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng:
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành.

4. Tổng diện tích đất thu hồi: 93.446,2 m²

Trong đó:

- Diện tích trong quy hoạch: 92.437,5 m²;
- Diện tích ngoài quy hoạch: 1.008,7 m²;
- Diện tích được bồi thường, hỗ trợ: 93.446,2m² (Bao gồm 1.008,7m² diện tích ngoài quy hoạch)

5. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 16.808.372.708 đồng.

(Bằng chữ: Mười sáu tỷ, tám trăm linh tám triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm linh tám đồng)

Bao gồm:

a. Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có tài sản bị ảnh hưởng: 15.664.839.430 đồng

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 2.937.273.000 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, mồ mã: 55.913.448 đồng
- Bồi thường cây cối hoa màu: 3.743.284.162 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 8.845.893.900 đồng
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 82.474.920 đồng

b. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 313.296.789 đồng

c. Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất: 31.329.679 đồng

d. Dự phòng chi: 798.906.811 đồng

5 Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng: 33.

Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân: 33;
- Tổ chức: 0;

7. Nguồn vốn thực hiện: Trích từ nguồn kinh phí của công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện thực hiện những nhiệm vụ:

- Phối hợp với UBND xã Hành Tín Tây niêm yết công khai để hộ gia đình và cá nhân được biết; thực hiện chi trả cho các hộ dân và thanh quyết toán nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

- Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với UBND xã Hành Tín Tây có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh huyện Nghĩa Hành làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hồ sơ địa chính (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện; Giám đốc Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh - Chi nhánh huyện Nghĩa Hành; Chủ tịch UBND xã Hành Tín Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT/UBND huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Tuấn

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH: HỒ CHỨA NƯỚC SÚOI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(ĐVT: Đồng)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mồ mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4+5+6+7+8+9	11
1	Dương Chiến	941,1	16.939.800	8.559.504	37.736.000	2.096.820	59.289.300	0	124.621.424	Dương chiến
2	Võ Ngọc Tiên	353,5	11.312.000	0	7.415.000	2.795.760	33.936.000	0	55.458.760	Cam Vũ Ngọc Tiên
3	Trần Văn Lối	2.194,8	39.506.400	0	36.680.000	4.193.640	138.272.400	0	218.652.440	Lối
4	Trương Tân	969,0	31.008.000	0	14.840.000	1.397.880	93.024.000	0	140.269.880	Trương Tân
5	Ngô Tình	930,5	29.776.000	0	19.350.000	1.048.410	89.328.000	0	139.502.410	Đinh
6	Trương Quang	953,4	30.508.800	0	20.320.000	1.397.880	91.526.400	0	143.753.080	Đinh
7	Trần Xuân Tình	0,0	0	0	8.360.000	0	0	0	8.360.000	người trong thôn
8	Trần Văn Trường	383,6	12.275.200	0	25.175.000	1.397.880	36.825.600	0	75.673.680	Trường
9	Trần Xuân Cẩm	58,1	1.859.200	0	460.000	1.747.350	5.577.600	0	9.644.150	lan
10	Trần Thị Yến	8.048,1	257.539.200	0	371.568.162	4.193.640	772.617.600	0	1.405.918.602	Lý Brian Thị Yến
11	Nguyễn Thuyền	3.366,5	107.728.000	0	127.310.000	698.940	323.184.000	0	558.920.940	Nguyễn (Đan)
12	Võ Hồng Cường	103,4	3.308.800	8.609.808	225.370.000	1.397.880	9.926.400	0	248.612.888	Võ Hồng Cường
13	Nguyễn Thiệp	2.641,3	84.521.600	0	3.450.000	1.747.350	253.564.800	0	343.283.750	Nguyễn Thiệp
14	Nguyễn Hiệp	16.522,4	528.716.800	4.304.904	478.390.000	8.387.280	1.586.150.400	0	2.605.949.384	Nguyễn Hiệp

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4+5+6+7+8+9	11
15	Trịnh Thị Ên	414,1	13.251.200	0	5.815.000	1.397.880	39.753.600	0	60.217.680	Châu Trường Sơn
16	Trần Văn Tuyên	870,3	27.849.600	0	5.670.000	8.387.280	83.548.800	0	125.455.680	Duyên
17	Huỳnh Vạn	8.691,7	278.134.400	4.304.904	294.785.000	4.193.640	834.403.200	0	1.415.821.144	Vạn
18	Ngô Văn Tâm	3.792,4	121.356.800	0	226.370.000	5.591.520	364.070.400	0	717.388.720	Trần
19	Phạm Văn Minh	12.646,8	404.697.600	0	636.225.000	4.193.640	1.214.092.800	0	2.259.209.040	Phạm Văn Minh
20	Ngô Khuê	502,4	16.076.800	0	0	1.397.880	48.230.400	0	65.705.080	Ngô Trí Phiến
21	Lê Bàn	928,3	29.705.600	0	14.840.000	2.446.290	89.116.800	0	136.108.690	Lê Bàn
22	Trương Nghiệp	663,5	21.232.000	0	33.150.000	2.096.820	63.696.000	0	120.174.820	Trương Nghiệp
23	Bùi Thái Khoa	22.104,2	707.334.400	0	769.265.000	7.338.870	2.122.003.200	0	3.605.941.470	Cao Khắc
24	Lê Tư	4.060,6	129.939.200	0	202.165.000	5.242.050	389.817.600	0	727.163.850	Lê Tư
25	Nguyễn Tấn Lộc	559,3	17.897.600	0	4.250.000	2.446.290	53.692.800	0	78.286.690	Nguyễn Tấn Lộc
26	Ngô Đình Duẩn	0,0	0	0	93.680.000	0	0	0	93.680.000	Duẩn
27	Võ Văn Thành	650,2	11.703.600	0	10.400.000	3.145.230	40.962.600	0	66.211.430	Uông Văn Thành
28	Trương Xuân Thái	0,0	0	0	3.920.000	0	0	0	3.920.000	Trương Xuân Thái
29	Phạm Đình Kiên	0,0	0	12.914.712	58.155.000	0	0	0	71.069.712	Phạm Đình Kiên
30	Huỳnh Duy	96,7	3.094.400	0	130.000	2.096.820	9.283.200	0	14.604.420	Huỳnh Duy
31	Võ Thị Minh Hiền	0,0	0	0	8.040.000	0	0	0	8.040.000	Hiền
32	Đặng Minh Thông	0,0	0	8.609.808	0	0	0	0	8.609.808	Đặng Minh Thông
33	Võ Quốc Vệ	0,0	0	8.609.808	0	0	0	0	8.609.808	Võ Quốc Vệ

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4+5+6+7+8+9	11
	Tổng cộng:	93.446,2	2.937.273.000	55.913.448	3.743.284.162	82.474.920	8.845.893.900	0	15.664.839.430	
									15.664.839.000	

Làm tròn

Bảng chữ: (Mười lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng)

Nghĩa Hành, ngày 01 tháng 01 năm 2022

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PTQĐ HUYỆN NGHĨA HÀNH

GIÁM ĐỐC

Người lập

(Signature)

Lân Ngọc Chín



Phan Thu